

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÔNG CÔNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 05-02-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Anh Nhất

2. Ông Lê Đức Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2021, giữa:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1950

Địa chỉ: Thôn L, xã C, thị xã N1, tỉnh Thanh Hóa

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn G, xã T1, huyện N2, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nhân trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Lê Thị T về chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/10/1998 tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã N1 (trước đây là huyện G), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường, đến tháng 8 năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về tính cách, lối ứng xử trong cuộc sống. Quá

trình chung sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, nhiều lần bà T gọi điện thoại, nhắn tin đe dọa ông dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng mà không thể hòa giải được. Ông và bà T sống ly thân từ tháng 7 năm 2020. Nay ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông xin được ly hôn bà Lê Thị T.

*Về con chung:* Ông và bà Lê Thị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản và nợ chung:* Ông Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bà Lê Thị T:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án số 256/TB-TLVA ngày 12/10/2020 và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho bà Lê Thị T. Bà T có mặt tại nhà nhưng từ chối không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy, Tòa án phải tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại thôn G, xã T1; niêm yết văn tại Công sở UBND xã T1 và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống theo đúng quy định pháp luật tố tụng. Bà T biết nội dung ông N khởi kiện xin ly hôn nhưng vẫn không đến Tòa án để làm việc, không gửi văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án.

Ngày 24/11/2020 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống tiến hành xác minh tại thôn G, xã T1. Ông Trương Hữu H - Công an viên thôn G bày: Ông N không đăng ký hộ khẩu thường trú và không sinh sống ở thôn G, xã T1. Bà T có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thôn G, xã T1. Ông được biết, ông N và bà T có đăng ký kết hôn, còn việc ông, bà có chung sống cùng nhau hay không ông không biết. Bà T làm nghề buôn bán thịt trâu, thịt bò, bà thường có mặt ở nhà vào lúc 20 hoặc 21 giờ. Sau khi ông nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã trực tiếp giao cho bà T nhưng bà T từ chối không nhận và nói không lên Tòa án làm việc.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Đối với đương sự ông N thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với bà T không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, trong quá trình xây dựng hồ sơ cũng như tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bà T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà theo khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông N được ly hôn bà T. Ông N là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn N khởi kiện xin được ly hôn bà Lê Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã T1, huyện N, Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng bà vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà T theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã N1, tỉnh Thanh Hóa; vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp. Quá trình chung sống, vợ chồng chưa thực sự quan tâm đến nhau, không có niềm tin vào nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm cách giải quyết mà mỗi người một nơi, từ đó dẫn đến mâu thuẫn càng trầm trọng. Đối với bà T, Tòa án đã trực tiếp thông báo và giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà từ chối không nhận và cũng không đến để Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ, thể hiện bà cũng không quan tâm níu kéo tình cảm. Điều này, chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông N và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. nay ông N xin được ly hôn, về phía bà T không nêu ý kiến của mình, không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn N và Lê Thị T không có con chung nên HĐXX không xét.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Ông Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn N là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều: 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn N được ly hôn bà Lê Thị T.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**3. Quyền kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã C, thị xã N1;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Văn Tình**

